

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST
Ngày: 16/02/2022.
“*V/v: Tranh chấp về hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Như Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài và ông Trần Văn Ân;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà – Thư ký.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34a/2022/QĐST-DS ngày 19/01/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 35/2022/TB-TA ngày 20 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T (T).

Trụ sở: Số 57, phố L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị TPBank.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ L - Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ khách hàng. (theo giấy ủy quyền số: 08/2019/UQ-TPB.HĐQT ngày 14/5/2019 của Chủ tịch hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP T).

Ông L ủy quyền lại cho ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1997-Nhân viên tố tụng. Địa chỉ: Lầu 5, 32A H, phường 2, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

Ông Hà Văn V, sinh năm 1967.

Bà Bùi Thị N, sinh năm 1968.

Cùng trú tại: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông V, bà N vắng mặt; Ông K xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2021 và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Minh k trình bày:

Ông Hà Văn V và Bà Bùi Thị N vay vốn tại Ngân hàng T– CN Đồng Nai, địa chỉ 264A, Khu phố 2, Phạm Văn Thuận, Phường Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai, theo hợp đồng: Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 80/2017/HDTD/BHA/01 ngày 29/12/2017: Số tiền vay: 490,000,000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 72 tháng. Mục đích sử dụng vốn: Vay mua ô tô tiêu dùng phục vụ cho mục đích đi lại của chính khách hàng. Lãi suất linh hoạt trong hạn như sau: Lãi suất áp dụng kể từ ngày 29/12/2017 cho đến ngày 29/12/2018 là 9%/năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 29/12/2023: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng Lãi suất tiền gửi tiết kiệm thường lĩnh cuối kỳ, kỳ hạn 12 tháng dành cho khách hàng cá nhân của T tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,3%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn. Phạt chậm trả được xác định bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn tại thời điểm chậm trả. Trường hợp khách hàng không thanh toán lãi, các khoản phí, chi phí và nghĩa vụ khác của khách hàng theo quy định của Hợp đồng này đúng hạn, khách hàng sẽ phải chịu phạt chậm trả trên số lãi, phí, chi phí chưa thanh toán đúng hạn đó tương ứng với số ngày thực tế chậm thanh toán.

Phí và chi phí: Phí trả nợ trước hạn một phần/ toàn bộ khoản vay: Trong năm thứ nhất: 3% số tiền trả nợ trước hạn. Trong hai năm tiếp theo là 2,5% số tiền trả nợ trước hạn. Từ năm thứ 4 trở đi là 1%. Phí trả nợ trước hạn tối thiểu là 250,000 đồng/lần và không quy định mức tối đa. Phí và chi phí khác theo quy định TPBank.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 80/2017/HDTD/BHA/01 ngày 29/12/2017: Xe nhãn hiệu: NISAN NAVARA E; Màu: Nâu; Số khung: MNTCC2D23Z0019718; Số máy: YD25701981T; Biển kiểm soát: 60C-395.95.

Ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với T kể từ ngày 25/03/2020 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay. Tạm tính đến ngày 15/02/2022, Ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N còn nợ ngân hàng T số tiền là: Nợ gốc: 313,055,544 đồng và nợ lãi: 96.978.975 đồng; Phí trả nợ trước hạn: 3,130,556 đồng; Tổng nợ là: 413,165,075 VNĐ (Bằng chữ: Bốn trăm mười ba triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng). Nay Ngân hàng TMCP T yêu cầu Tòa án buộc Ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan

theo các Hợp đồng cho vay nêu trên; Cụ thể số tiền ông V, bà N phải trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 15/02/2022 là: Nợ gốc: 313,055,544 đồng và nợ lãi: 96,978,975 đồng; Phí trả nợ trước hạn: 3,130,556 đồng; Tổng nợ: 413,165,075 đồng (Bốn trăm mười ba triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng).

Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay cho đến ngày Ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N thực tế thanh toán hết nợ cho ngân hàng T.

Trường hợp Ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thi hành án đối với khoản nợ trên. Cụ thể yêu cho kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo là: Xe nhãn hiệu: NISAN NAVARA E; Màu: Nâu; Số khung: MNTCC2D23Z0019718; Số máy: YD25701981T; Biển kiểm soát: 60C-395.95.

Bị đơn Ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và thông báo mở lại phiên tòa. Tuy nhiên, họ không đến Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa, ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:*

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:*

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền Nợ gốc: 313,055,544 đồng và nợ lãi: 96,978,975 đồng; Phí trả nợ trước hạn: 3,130,556 đồng; Tổng nợ: 413,165,075 đồng (Bốn trăm mười ba triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng) và chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T (Gọi tắt là ngân hàng) khởi kiện đối với bị đơn ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N hiện đang

cư trú tại địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn nhưng không thực hiện được với lý do: Ông V, bà N đã bỏ đi khỏi địa phương nhưng không khai báo với chính quyền địa phương, không cung cấp địa chỉ mới. Mặt khác, theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 80/2017/HDTD/BHA/01 ngày 29/12/2017 và các hợp đồng khác đã ký kết giữa Ngân hàng và ông V, bà N đều thể hiện địa chỉ thường trú của ông V, bà N tại: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo kết quả xác minh và thu thập tài liệu chứng cứ của Tòa án; Căn cứ vào Điều 6, Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đây được coi là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà không đình chỉ giải quyết vụ án.

[1.3] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền nợ gốc thì thấy:

Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 80/2017/HDTD/BHA/01 ngày 29/12/2017 ký kết giữa Ngân hàng TMCP T và ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N thể hiện bên cho vay là Ngân hàng T-CN Đồng Nai, bên vay là ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N: Số tiền vay: 490,000,000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 72 tháng. Mục đích sử dụng vốn: Vay mua ô tô tiêu dùng phục vụ cho mục đích đi lại của chính khách hàng. Lãi suất linh hoạt trong hạn như sau: Lãi suất áp dụng kể từ ngày 29/12/2017 cho đến ngày 29/12/2018 là 9%/năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 29/12/2023: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng Lãi suất tiền gửi tiết kiệm thường lĩnh cuối kỳ, kỳ hạn 12 tháng dành cho khách hàng cá nhân của ngân hàng T tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,3%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn. Phạt chậm trả được xác định bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn tại thời điểm chậm trả.

Theo kết quả cung cấp thông tin của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP Đà Nẵng chứng nhận: Ngày 29/12/2017 ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N có đăng ký giao dịch bảo đảm cho hợp đồng số 1274069217, để vay số tiền 490.000.000 đồng. Bên nhận bảo đảm là Ngân hàng TMCP T-CN Đồng Nai; Tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu: NISAN NAVARA E; Màu: Nâu; Số khung: MNTCC2D23Z0019718; Số máy: YD25701981T; Biển kiểm soát: 60C-395.95.

Vì vậy, đủ căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch vay tài sản. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông V, bà N đã vi phạm nghĩa vụ của người vay, do đó, Ngân hàng TMCP T yêu cầu ông V, bà N phải trả số tiền gốc là 313,055,544 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu trả tiền lãi:

[2.2.1] Lãi suất vay các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 80/2017/HDTD/BHA/01 ngày 29/12/2017 như sau: Lãi suất áp dụng kể từ ngày 29/12/2017 cho đến ngày 29/12/2018 là 9%/năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 29/12/2023: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng Lãi suất tiền gửi tiết kiệm thường lĩnh cuối kỳ, kỳ hạn 12 tháng dành cho khách hàng cá nhân của ngân hàng T tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,3%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn. Phạt chậm trả được xác định bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn tại thời điểm chậm trả. Trường hợp khách hàng không thanh toán lãi, các khoản phí, chi phí và nghĩa vụ khác của khách hàng theo quy định của Hợp đồng này đúng hạn, khách hàng sẽ phải chịu phạt chậm trả trên số lãi, phí, chi phí chưa thanh toán đúng hạn đó tương ứng với số ngày thực tế chậm thanh toán.

Lãi suất vay các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Mặt khác, kể từ ngày 25/03/2020, ông V, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay nên toàn bộ dư nợ gốc được chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 16/02/2022, Ngân hàng TMCP T yêu cầu ông V, bà N phải trả cho ngân hàng tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 96.978.975 đồng, là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2.1] Phí và chi phí: Phí trả nợ trước hạn một phần/ toàn bộ khoản vay: Trong năm thứ nhất: 3% số tiền trả nợ trước hạn. Trong hai năm tiếp theo là 2,5% số tiền trả nợ trước hạn. Từ năm thứ 4 trở đi là 1%. Phí trả nợ trước hạn tối thiểu là 250,000 đồng/lần và không quy định mức tối đa. Phí và chi phí khác theo quy định ngân hàng T.

Phí và chi phí này được quy định tại Điều 1, Mục 1.12, điểm c hợp đồng số 80/2017/HDTD/BHA/01 ngày 29/12/2017; Ngân hàng TMCP T yêu cầu ông V, bà N phải trả cho Ngân hàng Phí trả nợ trước hạn là: 3,130,556 đồng, là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3] Về khoản tiền lãi sau ngày tòa xét xử sơ thẩm: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 yêu cầu của nguyên đơn áp dụng tính lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng sau ngày xét xử sơ thẩm là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2.4] Về việc xử lý tài sản đảm bảo: Theo hợp đồng vay kiêm thế chấp xe ô tô số 80/2017/HDTD/BHA/01 ngày 29/12/2017 giữa bên nhận thế chấp Ngân

hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) - chi nhánh Đồng Nai với bên thế chấp là ông Hà Văn V với bà Bùi Thị N.

Việc ký kết, thế chấp tài sản giữa các bên là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 122, 124, 342, 355, 473, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Do đó, tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu: NISAN NAVARA E; Màu: Nâu; Số khung: MNTCC2D23Z0019718; Số máy: YD25701981T; Biển kiểm soát: 60C-395.95 được sử dụng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ của ông V, bà N là phù hợp với quy định tại Điều 342, Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều của 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 147, khoản 4 Điều 161, 227, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 4, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Các Điều 122, 124, 342, 355, 473, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Điều 13, Điều 14 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Hà Văn V với bà Bùi Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Hà Văn V với bà Bùi Thị N phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền 413,165,075 đồng (Bốn trăm mười ba triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó:

Nợ gốc: 313,055,544 đồng và nợ lãi: 96,978,975 đồng; Phí trả nợ trước hạn: 3,130,556 đồng

+ Số tiền nợ gốc là: 313,055,544 đồng (Ba trăm mười ba triệu năm mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng).

+ Số tiền nợ lãi tính đến hết ngày 16/02/2022 là: 96,978,975 đồng (Chín mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi năm đồng).

+ Số tiền phí trả nợ trước hạn là: 3,130,556 đồng (Ba triệu một trăm ba mươi nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng).

- Tiền lãi phát sinh tiếp theo tính từ ngày 17/02/2022 tương ứng với khoản nợ gốc nêu trên và thời gian chậm trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 80/2017/HDTD/BHA/01 ngày 29/12/2017 được giao kết giữa Ngân hàng TMCP T với ông Hà Văn V với bà Bùi Thị N.

Phần nghĩa vụ liên đới của ông Hà Văn V với bà Bùi Thị N là bằng nhau.

1. 2. Nghĩa vụ trả nợ nêu trên được đảm bảo thi hành bằng tài sản đã thế chấp sau đây:

- Tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu: NISAN NAVARA E; Màu: Nâu; Số khung: MNTCC2D23Z0019718; Số máy: YD25701981T; Biển kiểm soát: 60C-395.95 do phòng Cảnh sát giao thông-Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/01/2018 cho ông Hà Văn V theo hợp đồng vay kiêm thế chấp xe ô tô số 80/2017/HDTD/BHA/01 ngày 29/12/2017 và Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP Đà Nẵng chứng nhận.

2. Về án phí:

Ông Hà Văn V với bà Bùi Thị N phải chịu số tiền 20.526.603 đồng (Hai mươi triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền 8.678.000 đồng (Tám triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006003 ngày 09/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày; người có mặt tính từ ngày tuyên án; người vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu CQ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Như Quỳnh

